TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 138/2018/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 25 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2018. Giữa:

Nguyên đơn: **Chị Từ Thị Ánh T** sinh năm 1998.

ĐKHKTT: Thôn N, xã N, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn Đ, xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Danh S** sinh năm 1995.

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn N, xã N, huyện Q, Thành phố Hà Nội

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Từ Thị Ánh T và anh Nguyễn Danh S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T, anh S có 1 con chung là Nguyễn Thị Hải Y sinh ngày 18/11/2017. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận giao chị Từ Thị Ánh T tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Y cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác.

Anh S được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác

2.3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị T và anh S đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và nộp thay anh Sáu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010542 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã N;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành